

DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Số: /2020/TT-BTC

THÔNG TƯ

Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày tháng ... năm;
Căn cứ Nghị định số /2020/NĐ-CP ngày ...tháng năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Nghị định số /2020/NĐ-CP ngày tháng năm 2020 của Chính phủ quy định về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;
Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;
Căn cứ Nghị định số/2020/NĐ-CP ngàytháng....năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
2. Đối tượng áp dụng:
 - a) Công ty đại chúng;
 - b) Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng;
 - c) Tổ chức phát hành thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng;
 - d) Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp;
 - đ) Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

e) Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con (sau đây viết tắt là Sở giao dịch chứng khoán), Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

g) Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm;

h) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định pháp luật;

i) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công ty đại chúng* là công ty cổ phần theo quy định tại Luật Chứng khoán.

2. *Công ty đại chúng quy mô lớn* là công ty đại chúng có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.

3. *Quỹ đại chúng* là quỹ đóng, quỹ mở, bao gồm cả quỹ hoán đổi danh mục và công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

4. *Khách hàng ủy thác* là quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và các cá nhân, tổ chức ủy thác vốn, tài sản của mình cho công ty quản lý quỹ quản lý.

5. *Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin* bao gồm:

a) Người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán và người có liên quan của người nội bộ;

b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng; nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng;

c) Cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

d) Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng;

đ) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng; nhà đầu tư hoặc nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng;

e) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ đóng của quỹ đầu tư mục tiêu.

6. *Người có liên quan* là tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

7. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các

phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

8. *Ngày báo cáo* là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trang thông tin điện tử, phương tiện công bố thông tin khác của Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

9. *Tổ chức niêm yết cổ phiếu* là tổ chức có cổ phiếu phát hành được niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

10. *Tổ chức niêm yết trái phiếu* là tổ chức có trái phiếu phát hành được niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

11. *Tổ chức đăng ký giao dịch* là tổ chức có cổ phiếu phát hành được đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

12. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

13. *Ngày thực hiện giao dịch* được xác định như sau:

a) Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;

b) Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam/thành viên lưu ký trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

c) Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

d) Là ngày ký hợp đồng giao dịch chuyển nhượng công ty trong trường hợp thực hiện giao dịch mua/bán/sáp nhập công ty;

đ) Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

14. *Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán* được xác định như sau:

a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;

b) Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

c) Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của

tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

d) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch chuyển nhượng công ty trong trường hợp thực hiện giao dịch mua/bán/sáp nhập công ty;

đ) Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

15. *Sổ cổ phiếu có quyền biểu quyết* là sổ cổ phiếu, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:

a) Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

b) Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân, số Chứng minh thư quân nhân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin.

3. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 4 Thông tư này.

4. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ

thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Thông tư này như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu hoặc các thông tin khác phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu 05 năm.

5. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Việc công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh được áp dụng đối với Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Các đối tượng khác được khuyến khích công bố thông tin bằng tiếng Anh theo hướng dẫn tại Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo.

6. Đối với công ty đại chúng là tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, việc công bố thông tin thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phù hợp với mục tiêu bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng.

7. Trường hợp tổ chức niêm yết chứng khoán, tổ chức đăng ký giao dịch, công ty đại chúng bị hủy niêm yết, hủy đăng ký giao dịch, hủy tư cách công ty đại chúng phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, công ty đại chúng cho đến ngày hủy niêm yết, hủy đăng ký giao dịch, hủy tư cách công ty đại chúng có hiệu lực theo thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Các đối tượng công bố thông tin là tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của tổ chức đó.

a) Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.

b) Tổ chức phải đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc ủy quyền có hiệu lực. Đồng thời, người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin

gửi Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán.

2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đại chúng, thành viên lưu ký, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc tổ chức khác) hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:

a) Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên;

b) Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật;

c) Nhà đầu tư cá nhân đăng ký, đăng ký lại người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này cùng Bản cung cấp thông tin của nhà đầu tư cá nhân đó và của người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này (trường hợp người được ủy quyền công bố thông tin là cá nhân) cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc ủy quyền có hiệu lực.

3. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Thông tư này và pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

4. Việc công bố thông tin của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện.

Điều 5. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

a) Trang thông tin điện tử (website) của tổ chức là đối tượng công bố thông tin;

b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, phương tiện công bố thông tin khác theo quy định Sở giao dịch chứng khoán;

d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán

Việt Nam;

đ) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...).

2. Tổ chức là đối tượng công bố thông tin phải lập trang thông tin điện tử theo quy định sau:

a) Công ty đại chúng phải lập trang thông tin điện tử trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày trở thành công ty đại chúng. Tổ chức phát hành thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng phải lập trang thông tin điện tử trước khi thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Tổ chức phát hành trái phiếu ra công chúng phải lập trang thông tin điện tử trước khi thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ phải lập trang thông tin điện tử khi chính thức hoạt động. Tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch phải lập trang thông tin điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán;

b) Các tổ chức khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;

c) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Thông tư này;

d) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

3. Công ty đại chúng, tổ chức phát hành, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải thực hiện công bố thông tin, báo cáo trên các phương tiện quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.

4. Tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch; công ty chứng khoán thành viên; quỹ đại chúng niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng thực hiện công bố thông tin, báo cáo trên các phương tiện quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này.

5. Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công bố thông tin trên phương tiện điện tử của Sở giao dịch chứng khoán.

6. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

7. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, đối tượng nêu tại khoản 3, khoản 4 Điều này thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật ngay sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

8. Việc báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trang thông tin điện tử, phương tiện công bố thông tin khác của Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,...). Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện. Trường hợp được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, đối tượng công bố thông tin phải công bố thông tin về việc tạm hoãn công bố thông tin (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin) trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến trả lời của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 7. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về công bố thông tin sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật.

Chương II

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY ĐẠI CHỨNG

Điều 8. Công bố thông tin định kỳ

1. Công ty đại chứng phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp công ty đại chứng là công ty mẹ của tổ chức khác, công ty đại chứng phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm của riêng đơn vị mình và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp công ty đại chứng là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố báo cáo tài chính năm tổng hợp theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ của tổ chức khác, đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng, công ty đại chúng phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm tổng hợp và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

b) Công ty đại chúng phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của công ty (nếu có) trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm

Công ty đại chúng phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Trường hợp lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS), công ty đại chúng phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 100 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Công ty đại chúng phải lập báo cáo thường niên theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, công ty đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị; các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

b) Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong Biên bản, Nghị quyết phải được công bố theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

4. Định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm dương lịch, công ty đại chúng phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Điều 9. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty đại chúng phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường (bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) và tài liệu đính kèm Biên bản, Nghị quyết). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;

k) Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;

l) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán ra cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư này;

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ, công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

m) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ nhiệm của người nội bộ. Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

n) Quyết định mua, bán tài sản có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp, công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;

o) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;

p) Khi nhận được bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

q) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

r) Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, công ty đại chúng phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin;

s) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;

u) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

2. Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a) Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, công ty đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

3. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, công ty đại chúng phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.

Công ty đại chúng báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán/kết luận soát xét không phải là ý kiến/kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, công ty đại chúng phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán/kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 12 Thông tư này.

6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:

a) Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa hai kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, công ty đại chúng phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch:

a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của

nhà đầu tư;

b) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 11. Công bố thông tin về các hoạt động khác của công ty đại chúng

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn

Công ty đại chúng thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty đại chúng phải công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của công ty, của Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán ra cổ phiếu

Trường hợp công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán ra cổ phiếu theo quy định tại Luật Chứng khoán, công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ, tổng giá trị tài sản được căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất.

Chương III

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU, CÔNG TY ĐẠI CHỨNG QUY MÔ LỚN

Điều 12. Công bố thông tin định kỳ

1. Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và công bố các nội dung định kỳ khác theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

2. Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

a) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư này.

Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ của tổ chức khác, công ty đại chúng phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính bán niên của riêng đơn vị mình và báo cáo tài chính bán niên hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp công ty đại chúng là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố báo cáo tài chính bán niên tổng hợp theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ của tổ chức khác, đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng, công ty đại chúng phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính bán niên tổng hợp và báo cáo tài chính bán niên hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

b) Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên:

Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

Trường hợp tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố thông tin báo cáo tài chính bán niên trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

Trường hợp lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS), tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể

từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

3. Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có).

a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư này.

Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ của tổ chức khác, công ty đại chúng phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính quý của riêng đơn vị mình và báo cáo tài chính quý hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp công ty đại chúng là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố báo cáo tài chính quý tổng hợp theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ của tổ chức khác, đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng, công ty đại chúng phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính quý tổng hợp và báo cáo tài chính quý hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

b) Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) có ý kiến soát xét không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần.

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý:

Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố thông tin báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS), tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Lợi nhuận sau thuế tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

5. Trường hợp tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty mẹ, báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất.

Điều 13. Công bố thông tin bất thường

Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố thông tin bất thường trong các trường hợp quy định tại Điều 9 Thông tư này và công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ và khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ); quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

Điều 14. Công bố thông tin theo yêu cầu

Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn công bố thông tin theo yêu cầu quy định tại Điều 10 Thông tư này.

Điều 15. Công bố thông tin về các hoạt động khác của tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn

Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn công bố thông tin về các hoạt động khác theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

Điều 16. Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn

1. Công ty đại chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Thông tư này kể từ thời điểm có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.

2. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày không còn là công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này, công ty tiếp tục thực

hiện nghĩa vụ công bố thông tin như công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Thông tư này.

Chương IV

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RA CÔNG CHỨNG, TỔ CHỨC NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC PHÁT HÀNH THỰC HIỆN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG

Điều 17. Công bố thông tin của tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng

1. Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng.

2. Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin các nội dung sau:

a) Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo thường niên và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên (đối với tổ chức phát hành là công ty cổ phần) kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 8 Thông tư này.

b) Đối với trường hợp huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư, tổ chức phát hành phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán, báo cáo tiến độ sử dụng vốn kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu hoặc giải ngân hết số tiền đã huy động, tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước, cụ thể như sau:

Tổ chức phát hành trái phiếu ra công chúng phải thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán hoặc công bố đồng thời báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán cùng Báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên/Hội đồng thành viên.

Trường hợp chào bán trái phiếu ra công chúng để huy động vốn cho các dự án đầu tư cụ thể đã xác định, định kỳ 06 tháng, tổ chức phát hành phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

c) Định kỳ 6 tháng và hàng năm theo năm dương lịch, tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng phải công bố thông tin về tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

d) Công bố thông tin bất thường khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này và phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân,

giải pháp khắc phục (nếu có).

đ) Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, tổ chức phát hành phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi tối thiểu 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu.

e) Công bố thông tin theo yêu cầu theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

Điều 18. Công bố thông tin của tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp

1. Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp là công ty đại chúng thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Thông tư này.

2. Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện công bố thông tin kể từ thời điểm trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu hoặc thời điểm trái phiếu doanh nghiệp bị hủy niêm yết như sau:

a) Công bố định kỳ báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và báo cáo thường niên theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 Thông tư này;

b) Công bố thông tin bất thường khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại Điều 9 và Điều 12 Thông tư này (Hội đồng quản trị được đổi thành Hội đồng thành viên nếu là công ty trách nhiệm hữu hạn);

c) Công bố thông tin theo yêu cầu theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

Điều 19. Công bố thông tin của tổ chức phát hành thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng

1. Tổ chức phát hành thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng phải công bố thông tin về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán cổ phiếu ra công chúng.

2. Kể từ khi thực hiện chào bán cổ phiếu thành công, tổ chức phát hành phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Thông tư này.

3. Tổ chức phát hành có vốn góp của chủ sở hữu sau khi hoàn thành chào bán cổ phiếu ra công chúng từ 120 tỷ đồng trở lên thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Thông tư này.

Chương V

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN, CHI NHÁNH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 20. Công bố thông tin định kỳ

1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện công bố thông tin định kỳ theo quy định tại Điều 12 Thông tư này (trường hợp công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán là công ty trách nhiệm hữu hạn thì họp Đại hội đồng cổ đông được đổi thành họp Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị được đổi thành Hội đồng thành viên).

2. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải công bố báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6 đã được soát xét và tại ngày 31/12 đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận cùng thời điểm với việc công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét và báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

Điều 21. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán là công ty cổ phần, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư này và trong các trường hợp sau:

a) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với công ty, chi nhánh; người hành nghề chứng khoán của công ty, chi nhánh; Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

b) Khi nhận được quyết định khởi tố, bản án, quyết định pháp luật có hiệu lực của Tòa án liên quan đến người hành nghề chứng khoán của công ty;

c) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đặt công ty vào diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc đưa ra khỏi diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt; đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động;

d) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc thành lập, đóng cửa, thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện ở trong nước hoặc nước ngoài; thay đổi nghiệp vụ kinh doanh tại chi nhánh; thành lập công ty con ở nước ngoài; việc đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

đ) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc thực hiện cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán

chứng khoán; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán; các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh;

e) Khi nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về chào bán và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài;

g) Công ty chứng khoán tự nguyện chấm dứt thực hiện giao dịch ký quỹ.

2. Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

3. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán là công ty trách nhiệm hữu hạn phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9, Điều 13 Thông tư này và khoản 1 Điều này (họp Đại hội đồng cổ đông được đổi thành họp Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị được đổi thành Hội đồng thành viên).

4. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 22. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán khi có thông tin liên quan đến công ty, chi nhánh ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

2. Nội dung thông tin công bố quy định tại khoản 1 Điều này phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó và giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 23. Công bố thông tin khác của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải công bố thông tin hoạt động trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến chính thức hoạt động.

2. Công ty chứng khoán phải thông báo tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch và đăng tải trên website của công ty về các nội dung liên quan đến phương thức giao dịch, đặt lệnh, ký quỹ giao dịch, thời gian thanh toán, phí

giao dịch, các dịch vụ cung cấp và danh sách những người hành nghề chứng khoán của công ty. Trường hợp cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ, công ty chứng khoán phải thông báo các điều kiện cung cấp dịch vụ, bao gồm yêu cầu về tỷ lệ ký quỹ, lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức thực hiện lệnh gọi ký quỹ bổ sung, danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ.

3. Trong thời hạn một (01) ngày làm việc trước khi thực hiện lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc bán chứng khoán cầm cố, công ty chứng khoán phải thông báo cho khách hàng về việc bán giải chấp chứng khoán hoặc bán chứng khoán cầm cố, đồng thời công bố thông tin trên trang điện tử của công ty, Sở giao dịch chứng khoán (đối với trường hợp bán chứng khoán của khách hàng là người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ). Sau khi giao dịch được thực hiện, công ty chứng khoán thông báo về kết quả giao dịch cho khách hàng chậm nhất vào cuối ngày giao dịch và công bố thông tin theo mẫu quy định tại Điều 31 Thông tư này.

4. Ngoại trừ trường hợp khách hàng ủy thác đứng tên sở hữu, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam cùng khách hàng ủy thác phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định sau:

a) Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng cho cổ đông lớn theo quy định tại Điều 29 khi toàn bộ số cổ phiếu thuộc sở hữu của công ty quản lý quỹ và các khách hàng ủy thác hoặc số cổ phiếu thuộc sở hữu của chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, công ty mẹ và các khách hàng ủy thác đạt từ 5% trở lên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng hoặc sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng, ngoại trừ khách hàng ủy thác là quỹ ETF;

b) Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng cho cổ đông nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều 31 khi công ty quản lý quỹ là người có liên quan của người nội bộ theo quy định của pháp luật (ngoại trừ giao dịch hoán đổi của Quỹ ETF).

5. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin liên quan đến giao dịch chứng khoán thay cho khách hàng của mình khi đứng tên sở hữu tài sản ủy thác của khách hàng trong trường hợp khách hàng của mình thuộc đối tượng công bố thông tin. Trường hợp khách hàng đầu tư đứng tên sở hữu tài sản ủy thác, khách hàng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Chương VI.

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA QUỸ ĐẠI CHÚNG, CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN ĐẠI CHÚNG

Điều 24. Công bố thông tin định kỳ về quỹ đại chúng

1. Công bố thông tin định kỳ của quỹ đại chúng, bao gồm cả quỹ hoán đổi danh mục và quỹ đầu tư bất động sản:

a) Báo cáo tài chính

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo tài chính bán niên đã được kiểm toán soát xét và báo cáo tài chính quý của quỹ. Nội dung báo cáo tài chính thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ kế toán áp dụng cho quỹ có liên quan. Thời hạn nộp báo cáo tài chính thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 12 Thông tư này.

b) Báo cáo hoạt động đầu tư

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải báo cáo và công bố định kỳ hàng tháng, quý, năm các báo cáo hoạt động đầu tư của quỹ theo quy định pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

c) Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố định kỳ hàng tuần báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ theo quy định pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày định giá đối với quỹ mở và ngay trong ngày giao dịch hoặc không muộn hơn ngày giao dịch tiếp theo đối với Quỹ ETF.

d) Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố định kỳ Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ bán niên và hằng năm theo quy định pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện công bố thông tin liên quan tới Đại hội nhà đầu tư của quỹ đại chúng theo quy định áp dụng đối với Đại hội đồng cổ đông của công ty đại chúng tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này.

3. Ngoài các quy định tại khoản 1, 2 Điều này, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải tuân thủ các nghĩa vụ công bố thông tin khác của quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

4. Trừ các báo cáo tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều này, thời hạn công bố các thông tin định kỳ khác của quỹ đại chúng như sau:

a) Đối với thông tin công bố định kỳ hằng tuần: là ngày làm việc đầu tiên của tuần kế tiếp;

b) Đối với thông tin công bố định kỳ hằng tháng: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc tháng gần nhất;

c) Đối với thông tin công bố định kỳ hằng quý: trong thời hạn 20 ngày, kể

từ ngày kết thúc quý gần nhất;

d) Đối với thông tin công bố định kỳ 06 tháng (bán niên): trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng (bán niên) gần nhất;

đ) Đối với thông tin công bố định kỳ hằng năm: trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm gần nhất.

Điều 25. Công bố thông tin bất thường về quỹ đại chúng

1. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây đối với quỹ đại chúng:

a) Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư;

b) Quyết định thay đổi vốn điều lệ của quỹ đóng;

c) Được cấp hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đại chúng ra công chúng;

d) Bị đình chỉ, hủy bỏ đợt chào bán chứng chỉ quỹ đại chúng; quỹ đại chúng chào bán không thành công;

đ) Sửa đổi Điều lệ, Bản cáo bạch;

e) Quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia tách, giải thể, thay đổi thời hạn hoạt động, thanh lý tài sản của quỹ đại chúng;

g) Được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ, Quyết định điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ;

h) Công bố về ngày đăng ký cuối cùng, ngày thực hiện quyền cho nhà đầu tư của quỹ;

i) Định giá sai giá trị tài sản ròng của quỹ đại chúng;

k) Thay đổi tên quỹ, thay đổi ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; thay đổi thành viên lập quỹ, tổ chức tạo lập thị trường (đối với quỹ ETF);

l) Vượt mức các hạn chế đầu tư và điều chỉnh sai lệch của danh mục đầu tư của quỹ đại chúng;

m) Tạm ngừng giao dịch hoán đổi hoặc mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu vượt quá mức cho phép (đối với quỹ ETF);

n) Các trường hợp quy định tại điểm a, đ, g, m, o, p khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

2. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin về Đại hội nhà đầu tư bất thường hoặc việc lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư bằng văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

3. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố các thông tin bất thường khác về quỹ đại chúng theo quy định hướng dẫn về thành lập, tổ chức

hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán của Bộ Tài chính.

4. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán khi công bố thông tin về các sự kiện quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 26. Công bố thông tin định kỳ về công ty đầu tư chứng khoán đại chúng bao gồm công ty đầu tư chứng khoán bất động sản

1. Báo cáo tài chính

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính quý của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

2. Báo cáo hoạt động đầu tư

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố định kỳ hằng tháng, quý, năm báo cáo hoạt động đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật về thành lập và quản lý công ty đầu tư chứng khoán.

3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố định kỳ hằng tuần báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật về thành lập và quản lý công ty đầu tư chứng khoán.

4. Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố định kỳ bán niên, hằng năm báo cáo tổng kết hoạt động quản lý công ty đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật về thành lập và quản lý công ty đầu tư chứng khoán.

5. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này.

6. Thời hạn công bố thông tin định kỳ của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Thông tư này.

Điều 27. Công bố thông tin bất thường về công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

1. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây đối với công ty đầu tư chứng khoán đại chúng:

a) Bị đình chỉ, hủy bỏ đợt chào bán cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật;

d) Sửa đổi Điều lệ, Bản cáo bạch;

đ) Quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, thay đổi thời hạn hoạt động, thanh lý tài sản của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; bị thu hồi Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động đối với công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

e) Quyết định chào bán, phát hành cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; được cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng, Giấy chứng nhận đăng ký phát hành thêm cổ phiếu; Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động của công ty;

g) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

h) Định giá sai giá trị tài sản ròng của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

i) Thay đổi tên công ty; thay đổi công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát;

k) Vượt hạn mức đầu tư và điều chỉnh sai lệch của danh mục đầu tư của công ty;

l) Các sự kiện khác có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng tài chính, hoạt động của công ty;

m) Các trường hợp quy định tại điểm a, đ, g, i, m, o, p khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

2. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

3. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố các thông tin bất thường khác về công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định về hướng dẫn thành lập, tổ chức hoạt động và quản lý công ty đầu tư chứng khoán của Bộ Tài chính.

Điều 28. Công bố thông tin theo yêu cầu về quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

1. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin liên quan tới quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán khi xảy ra các sự kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này và trong các trường hợp sau:

a) Có thay đổi bất thường về giá và khối lượng giao dịch chứng chỉ quỹ đóng, quỹ đầu tư bất động sản, quỹ ETF; cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

b) Các sự kiện khác theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở

giao dịch chứng khoán.

2. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi niêm yết quỹ, trong đó nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố, nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó.

Chương VII

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 29. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng

1. Tổ chức, cá nhân khi mua, bán, chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng dẫn đến việc trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đóng) theo Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng.

2. Cổ đông lớn của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng hoặc nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng khi mua, bán, chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đóng) và công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này.

Ví dụ: Nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ

phiếu của mình.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn, sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ đóng hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1, 2 Điều này được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 14 Điều 2 Thông tư này.

4. Quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện công bố thông tin theo Phụ lục số 09 và Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư này căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.

5. Quy định tại khoản 1, 2 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc công ty đại chúng phát hành thêm cổ phiếu mà cổ đông không thực hiện giao dịch mua, bán, chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng.

6. Công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 30. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

1. Tối thiểu 03 ngày làm việc trước khi thực hiện giao dịch, cổ đông sáng lập nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật về doanh nghiệp phải gửi báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch), Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty đại chúng về việc thực hiện giao dịch theo Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện chuyển nhượng phải gửi bổ sung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chuyển nhượng nêu trên.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, cổ đông sáng lập phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch), Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty đại chúng về kết quả thực hiện giao dịch đồng thời giải trình lý do không thực hiện được giao dịch

hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cổ đông sáng lập theo quy định tại Điều này, công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty .

Điều 31. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

1. Người nội bộ của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đại chúng (sau đây gọi chung là người nội bộ) và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin và báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết), công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán khi giá trị giao dịch trong ngày từ 300 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày. Trường hợp giao dịch qua Sở giao dịch chứng khoán, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở giao dịch chứng khoán đã công bố thông tin và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau khi có công bố thông tin từ Sở giao dịch chứng khoán. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

b. Trước ngày dự kiến giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo Phụ lục số 13 hoặc Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư này;

c. Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai, thời hạn thực hiện giao dịch của đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d. Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đại chúng, chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký và chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;

đ. Trường hợp người nội bộ và người có liên quan giao dịch chứng khoán

có giá trị dưới mức phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin nhưng dẫn đến việc trở thành cổ đông lớn, không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên hoặc dẫn đến làm thay đổi tỷ lệ sở hữu qua các ngưỡng 1% theo quy định tại Điều 29 Thông tư này thì người nội bộ và người có liên quan thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo Điều 29 Thông tư này;

e. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch (trường hợp không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký), người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Phụ lục số 15 hoặc Phụ lục số 16 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đại chúng hoặc người có liên quan của các đối tượng này.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đại chúng hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc là người có liên quan của người nội bộ của quỹ đại chúng niêm yết, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc chứng chỉ quỹ niêm yết, công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

5. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo Điều lệ công ty của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng thực hiện giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ tại khoản 1 Điều này.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 32. Công bố thông tin về giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy chứng khoán cơ cấu

1. Trong giao dịch hoán đổi, quỹ ETF được miễn trừ nghĩa vụ công bố thông tin của cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều 29 và Điều 31 Thông tư này.

2. Thành viên lập quỹ và tổ chức tạo lập thị trường của quỹ hoán đổi danh mục được miễn trừ nghĩa vụ công bố thông tin của cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều 29 và Điều 31 Thông tư này khi giao dịch chứng khoán cơ cấu của quỹ hoán đổi danh mục trong các trường hợp sau:

a) Mua chứng khoán cơ cấu để thực hiện hoán đổi lấy chứng chỉ quỹ nhằm đáp ứng lệnh mua của nhà đầu tư khi thực hiện nghĩa vụ tạo lập thị trường;

b) Bán chứng khoán cơ cấu là kết quả của việc hoán đổi từ chứng chỉ quỹ nhằm đáp ứng lệnh bán từ nhà đầu tư khi thực hiện nghĩa vụ tạo lập thị trường.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch hoán đổi, nếu bên hoán đổi là người nội bộ của tổ chức niêm yết và người có liên quan của họ, thì phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến giao dịch của người nội bộ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 31 Thông tư này.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch hoán đổi, bên hoán đổi phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu niêm yết, nếu thuộc trường hợp áp dụng đối với cổ đông lớn của tổ chức niêm yết theo quy định tại Điều 29 Thông tư này.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch hoán đổi của người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn của công ty theo quy định tại khoản 3, 4 Điều này, tổ chức niêm yết phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 33. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai và công ty mục tiêu, quỹ đầu tư mục tiêu phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào mua công khai.

Chương VIII

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Điều 34. Nội dung công bố thông tin của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

a) Cấp, thu hồi, điều chỉnh Giấy chứng nhận thành viên lưu ký, Chi nhánh thành viên lưu ký, thành viên bù trừ;

b) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu và điều chỉnh Giấy

chứng nhận đăng ký chứng khoán, cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán bổ sung; thông tin về việc hủy đăng ký chứng khoán;

c) Bảo lưu mã chứng khoán trong nước;

d) Thực hiện quyền của các chứng khoán đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

đ) Các trường hợp chuyển nhượng ngoài hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;

e) Các hình thức xử lý vi phạm đối với thành viên lưu ký, thành viên bù trừ từ hình thức khiển trách trở lên;

g) Thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán, thông tin về đình chỉ, chấm dứt tư cách thành viên bù trừ;

h) Xử lý các trường hợp mất khả năng thanh toán áp dụng các biện pháp bảo đảm thanh toán;

i) Hệ thống thanh toán bù trừ gặp sự cố bất khả kháng;

k) Thông tin về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; thông tin về số lượng cổ phiếu nhà đầu tư nước ngoài còn được phép mua tại công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch;

l) Thông tin về giá thanh toán cuối cùng của chứng khoán phái sinh;

m) Công bố thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Công bố thông tin tối thiểu 02 ngày làm việc trước khi thực hiện áp dụng tỷ lệ ký quỹ đối với thành viên bù trừ.

3. Công bố thông tin tối thiểu 02 ngày làm việc trước khi thực hiện áp dụng, thay đổi các mức giới hạn vị thế.

4. Định kỳ hằng tháng, quý và năm, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phải công bố các thông tin sau:

a) Số lượng tài khoản giao dịch của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài;

b) Cấp, hủy bỏ mã số giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài;

c) Quản lý sử dụng quỹ bù trừ, quỹ dự phòng rủi ro thanh toán đối với giao dịch chứng khoán phái sinh;

d) Quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán.

5. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày chốt danh sách cổ đông, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời gửi Sở giao dịch chứng khoán thông tin về việc công ty không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi trở thành thành viên hoặc không còn là thành viên của các tổ chức quốc tế về thị trường chứng khoán, tham gia ký kết các chương trình hành động, các cam kết quốc tế về phát triển thị trường chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có nghĩa vụ công bố thông tin về các hoạt động này.

7. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có nghĩa vụ công bố các thông tin khác theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, pháp luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Chương IX

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Điều 35. Nội dung công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán

1. Thông tin trong giờ giao dịch

- a) Tổng số loại chứng khoán được phép giao dịch;
- b) Giá tham chiếu, giá trần, giá sàn, giá mở cửa, đóng cửa của từng ngày giao dịch, giá thực hiện và khối lượng thực hiện của giao dịch gần nhất, giá dự kiến (trường hợp khớp lệnh định kỳ), giá giao dịch cao nhất trong phiên, giá giao dịch thấp nhất trong phiên, mức và ký hiệu biến động giá của từng loại chứng khoán, giá bình quân của chứng khoán (đối với thị trường Upcom);
- c) Ba mức giá chào mua, chào bán tốt nhất của từng loại chứng khoán kèm theo khối lượng đặt mua, bán tương ứng với các mức giá đó;
- d) Thông tin giao dịch của trái phiếu phân theo kỳ hạn còn lại, bao gồm: các kỳ hạn giao dịch, lợi suất, khối lượng và giá trị của giao dịch gần nhất, biến động lợi suất của giao dịch gần nhất so với giao dịch trước đó;
- đ) Giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài.

2. Thông tin cuối ngày giao dịch

- a) Tình trạng các loại chứng khoán; khối lượng mở của từng loại chứng khoán phái sinh;
- b) Tổng số loại chứng khoán được phép giao dịch trong ngày;
- c) Chỉ số giá chứng khoán do Sở giao dịch chứng khoán xây dựng và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận; mức và biến động chỉ số so với ngày giao dịch trước đó;
- d) Mức độ dao động giá cổ phiếu trong ngày giao dịch;
- đ) Số lượng lệnh, khối lượng đặt mua/bán và giá trị tương ứng với mỗi loại chứng khoán;
- e) Tổng khối lượng giao dịch toàn thị trường (theo phiên khớp lệnh, ngày giao dịch);
- g) Giá, khối lượng và giá trị giao dịch của từng loại chứng khoán:

- Khớp lệnh (theo từng phiên khớp lệnh và ngày giao dịch đối với khớp lệnh định kỳ và theo ngày giao dịch đối với trường hợp khớp lệnh liên tục);

- Thoả thuận (nếu có): Thời điểm, loại thông tin giao dịch công bố thực hiện theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;

- Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch (nếu có).

h) Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài và giới hạn còn được mua đối với từng loại chứng khoán;

i) Thông tin giao dịch (giá, khối lượng giao dịch, tỷ trọng giao dịch so với toàn thị trường, mức độ, tỷ lệ thay đổi giá, khối lượng giao dịch) về 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch lớn nhất và 10 cổ phiếu biến động giá lớn nhất so với ngày giao dịch gần nhất;

k) Thông tin giao dịch (giá, khối lượng giao dịch, tỷ trọng giao dịch so với toàn thị trường; mức độ, tỷ lệ thay đổi giá và khối lượng giao dịch) của 10 cổ phiếu có giá trị niêm yết lớn nhất và 10 cổ phiếu có giá thị trường lớn nhất;

l) Thông tin giao dịch (giá, khối lượng giao dịch, tỷ trọng giao dịch so với toàn thị trường; mức độ, tỷ lệ thay đổi giá và khối lượng giao dịch) về trái phiếu bao gồm loại trái phiếu, lãi suất, thời gian đáo hạn, giá thực hiện, lợi suất hiện hành, lợi suất đáo hạn;

m) Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của các cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch;

n) Công bố thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Công bố thông tin tối thiểu 07 ngày làm việc khi thực hiện niêm yết mới, hủy niêm yết, niêm yết thay thế loại chứng khoán phái sinh, thay đổi mẫu hợp đồng chứng khoán phái sinh theo quy định sau:

a) Công bố thông tin về hợp đồng mẫu tối thiểu 30 ngày trước khi thực hiện niêm yết lần đầu chứng khoán phái sinh và công bố thông tin tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi áp dụng thay đổi điều khoản của hợp đồng mẫu chứng khoán phái sinh đang niêm yết;

b) Công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ khi hủy niêm yết chứng khoán phái sinh do tài sản cơ sở bị hủy niêm yết.

4. Công bố thông tin tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi thực hiện thay đổi các điều khoản của hợp đồng mẫu chứng khoán phái sinh đang niêm yết.

Điều 36. Nội dung thông tin công bố về tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán; thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, thành viên tạo lập thị trường; công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán có quản lý quỹ niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

1. Thông tin về tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch

- a) Thông tin chung về hoạt động niêm yết, đăng ký giao dịch:
- Thông tin về niêm yết, đăng ký giao dịch lần đầu, ngày giao dịch đầu tiên;
 - Thông tin về huỷ niêm yết, đăng ký giao dịch;
 - Thông tin về thay đổi niêm yết, đăng ký giao dịch;
 - Thông tin về niêm yết, đăng ký giao dịch lại;
 - Thông tin về xử lý vi phạm đối với tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch theo quy chế niêm yết, đăng ký giao dịch;
 - Thông tin về chứng khoán không được giao dịch ký quỹ;
 - Thông tin về chứng khoán bị hạn chế giao dịch;
 - Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài của công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch.

b) Các thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu mà tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin thông qua phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán.

2. Thông tin về thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, thành viên tạo lập thị trường tại Sở giao dịch chứng khoán:

- a) Thông tin chung về thành viên:
- Thông tin về chấp thuận thành viên, thành viên giao dịch phái sinh, lựa chọn thành viên tạo lập thị trường phái sinh;
 - Thông tin về xử lý vi phạm thành viên, thành viên giao dịch phái sinh, thành viên tạo lập thị trường phái sinh, đại diện giao dịch theo quy chế thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán;
 - Thông tin về chấm dứt tư cách thành viên, thành viên giao dịch phái sinh, chấm dứt hợp đồng tạo lập thị trường của thành viên tạo lập thị trường phái sinh;
 - Thông tin về giá trị giao dịch môi giới của 10 thành viên có thị phần lớn nhất theo quý, bán niên và năm;
 - Các thông tin khác.

b) Các thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Sở giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán thành viên, thành viên giao dịch phái sinh, thành viên tạo lập thị trường phái sinh thực hiện công bố thông tin thông qua phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán.

3. Thông tin về công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán có quản lý quỹ đại chúng niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng:

- a) Thông tin chung về công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán có quản lý

quỹ niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng:

- Thông tin về số lượng công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán có quản lý quỹ niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

- Thông tin về số lượng quỹ đầu tư chứng khoán niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng mà công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán quản lý;

- Thông tin về xử lý vi phạm đối với quỹ niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy chế niêm yết/công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán;

- Các thông tin khác;

b) Các thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu liên quan đến quỹ niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng mà công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện công bố thông tin thông qua phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán.

4. Sở giao dịch chứng khoán phải công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 35; khoản 1, 2, 3 Điều 36 Thông tư này trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện hoặc sau khi nhận được báo cáo, thông báo, hồ sơ công bố thông tin đầy đủ và hợp lệ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán thành viên, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 37. Thông tin về giám sát thị trường chứng khoán, thị trường chứng khoán phái sinh và thông tin về hoạt động của Sở giao dịch chứng khoán

1. Thông tin giám sát thị trường chứng khoán, thị trường chứng khoán phái sinh bao gồm:

a) Thông tin về tạm ngừng giao dịch hoặc cho phép giao dịch trở lại đối với chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch, chứng khoán phái sinh niêm yết;

b) Thông tin về chứng khoán bị cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc không còn bị cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt;

c) Thông tin về giao dịch của cổ đông lớn, giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng, giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ, giao dịch chào mua công khai, giao dịch cổ phiếu quỹ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch;

d) Thông tin về việc vi phạm quy định công bố thông tin của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán thành viên, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, thành viên giao dịch đặc biệt, thành viên tạo lập thị trường, thành viên bù trừ;

đ) Thông tin về việc xử lý các vi phạm về hoạt động trên thị trường chứng khoán phái sinh và các vi phạm khác theo quy định tại quy chế của Sở giao dịch

chứng khoán;

e) Các hướng dẫn, thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về quản lý, giám sát thị trường theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

2. Sở giao dịch chứng khoán phải công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện hoặc sau khi nhận được báo cáo, thông báo, hồ sơ công bố thông tin đầy đủ và hợp lệ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán thành viên, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Thông tin về hoạt động của Sở giao dịch chứng khoán:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi trở thành thành viên hoặc không còn là thành viên của các tổ chức quốc tế về thị trường chứng khoán, tham gia ký kết các chương trình hành động, các cam kết quốc tế về phát triển thị trường chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán có nghĩa vụ công bố thông tin về các hoạt động này.

4. Sở giao dịch chứng khoán có nghĩa vụ công bố các thông tin khác theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, pháp luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38. Điều khoản thi hành

1. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020 và thay thế Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2. Điều khoản chuyển tiếp

Việc thực hiện công bố Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên của niên độ năm 2020 được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 39. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các đối tượng công bố thông tin khác chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Sở giao dịch chứng khoán chịu trách nhiệm hướng dẫn chi tiết cách thức công bố thông tin áp dụng cho các đối tượng công bố thông tin phù hợp với

các quy định tại Thông tư này và hệ thống công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Ban chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Viện Kiểm sát NDTC; Toà án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, UBCK.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Huỳnh Quang Hải

